TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST Ngày: 10-01-2019 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Du.

2. Bà Huỳnh Thị Thùy Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 805/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Tú A, sinh năm 1995; hộ khẩu thường trú: Khóm 6, Phường 1, thị xã V, tỉnh S; tạm trú: Số 925/75, Tổ 45, Khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh B. Có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1992; hộ khẩu thường trú: Khóm 6, Phường 1, thị xã V, tỉnh S; tạm trú: Số 925/75, Tổ 45, Khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 19/9/2018, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lâm Thị Tú A trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Lâm Thị Tú A và ông Nguyễn Văn D chung sống với nhau từ năm 2013, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn ngày 24/02/2015 tại Ủy ban nhân dân Phường 1, thị xã V, tỉnh S.

Sau khi kết hôn bà A và ông D chung sống tại địa chỉ phường P, thành phố T, tỉnh B. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông D không chăm lo cho gia đình, bất đồng quan điểm, vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cải vã. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể hàn gắn nên bà Lâm Thị Tú A yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà Lâm Thị Tú A và ông Nguyễn Văn D có 01 con chung tên Nguyễn Vũ Đ, sinh ngày 05/5/2013. Hiện nay con đang sống cùng bà A và ông D, bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà A không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: Chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Sổ đăng ký tạm trú (bản sao), Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), Giấy khai sinh (bản sao).

Bị đơn ông Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông D.

Bị đơn không giao nộp tài liệu chứng cứ

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Lâm Thị Tú A có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn D vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ

luật tố tụng dân sự; xác định đúng tư cách đương sự theo quy định tại Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự; thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, xác minh, thu thập và giao nhận chứng cứ đầy đủ, đúng trình tự theo quy định. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 48, Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm.

Đối với những người tham gia tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên không có kiến nghị khắc phục.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Ngày 28 tháng 9 năm 2018, bà Lâm Thị Tú A có đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Nguyễn Văn D nên đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[1.2]. Về thẩm quyền: Bà Lâm Thị Tú A khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn ông Nguyễn Văn D, đây là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại thời điểm thụ lý bị đơn ông Nguyễn Văn D có địa chỉ cư trú tại Khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về việc tham gia phiên tòa của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn bà Lâm Thị Tú A có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Văn D vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập đến tham gia phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bà A và ông D.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lâm Thị Tú A và ông Nguyễn Văn D chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 1, thị xã V, tỉnh S, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20/2015, quyển số 01/2015, ngày 24/02/2015. Việc, chung sống và đăng ký kết hôn giữa bà A và ông D là hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc nên đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, vì vậy hôn nhân giữa bà A và ông D là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà A khai, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông D không chăm lo cho gia đình, bất đồng quan điểm, vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cải vã, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được nữa.

Việc bà A, ông D không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau và không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc nên vợ chồng phải có trách nhiệm chăm sóc, giúp đỡ nhau về mọi mặt, tin tưởng thương yêu nhau; những mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng cần phải tìm cách giải quyết để xây dựng gia đình hạnh phúc.

Qua xác minh tại địa phương nơi bà A, ông D cư trú, cho biết: Quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn.

Tuy nhiên, bà A xác định hiện nay không còn tình cảm với ông D, vợ chồng không còn yêu thương nhau nên không thể nào có cơ hội hàn gắn. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông D nhiều lần để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng ông D vẫn vắng mặt, điều này chứng tỏ ông D không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa bà A và ông D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà A yêu cầu được ly hôn với ông D là có cơ sở, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A.

[2.2]. Về con chung: Quá trình chung sống bà Lâm Thị Tú A và ông

Nguyễn Văn D có 01 con chung tên Nguyễn Vũ Đ, sinh ngày 05/5/2013. Bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, con chung vẫn còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ. Ông D không có văn bản nào trình bày về nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, để cháu Đ phát triển toàn diện, cần giao cháu Đ cho bà A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp nên yêu cầu của bà A về việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3]. Tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4]. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Lâm Thị Tú A phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 238, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Tú A về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn ông Nguyễn Văn D.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Tú A được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Vũ Đ, sinh ngày 05/5/2013 cho bà Lâm Thị Tú A được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo

dục.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Ông Nguyễn Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức dưỡng nuôi con nếu cần thiết.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lâm Thị Tú A phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0022795 ngày 05/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND Phường 1, TX. V, tỉnh S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Nga